

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU
CHUẨN

CHỨC DANH: Phó giáo sư

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Điện tử; Chuyên ngành: Vô tuyến điện và truyền thông

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Thu Phương

2. Ngày tháng năm sinh: 06/4/1984; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Xã Hà Thạch, Thị xã Phú Thọ, Tỉnh Phú Thọ

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Phòng 2302, tòa A2, Chung cư IA20 Ciputra, Đông Ngạc, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Phòng 2302, tòa A2, Chung cư IA20 Ciputra, Đông Ngạc, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0984710526;

E-mail: phuong.nt@lqdtu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 08/2008 đến 08/2009: Phó Đại đội trưởng tại Đại đội 341, Tiểu đoàn 3, Học viện Kỹ thuật Quân sự

Từ 09/2009 đến 09/2010: Trợ giảng tại Bộ môn Thông tin, Khoa Vô tuyến điện tử, Học viện Kỹ thuật Quân sự

Từ 10/2010 đến 07/2012: Học viên cao học theo hình thức giảng dạy – nghiên cứu, chuyên ngành Kỹ thuật điện tử tại Học viện Kỹ thuật Quân sự

Từ 08/2012 đến 09/2012: Trợ giảng tại Bộ môn Thông tin, Khoa Vô tuyến điện tử, Học viện Kỹ thuật Quân sự

Từ 10/2012 đến 12/2015: Nghiên cứu sinh, chuyên ngành Kỹ thuật điện tử tại Học viện Kỹ thuật Quân sự

Từ 01/2016 đến 12/2016: Giảng viên tại Bộ môn Thông tin, Khoa Vô tuyến điện tử, Học viện Kỹ thuật Quân sự

Từ 01/2017 đến 06/2019: Giảng viên kiêm Trưởng phòng Thí nghiệm tại Bộ môn Thông tin, Khoa Vô tuyến điện tử, Học viện Kỹ thuật Quân sự

Từ 07/2019 đến 06/2021: Phó Chủ nhiệm Bộ môn, kiêm Trưởng phòng Thí nghiệm tại Bộ môn Thông tin, Khoa Vô tuyến điện tử, Học viện Kỹ thuật Quân sự

Từ 07/2021 đến 02/2025: Phó Chủ nhiệm Bộ môn tại Bộ môn Thông tin, Khoa Vô tuyến điện tử, Học viện Kỹ thuật Quân sự

Từ 03/2025 đến 06/2025: Chủ nhiệm Bộ môn tại Bộ môn Thông tin, Khoa Vô tuyến điện tử, Học viện Kỹ thuật Quân sự

Chức vụ hiện nay: Chủ nhiệm Bộ môn; Chức vụ cao nhất đã qua: Chủ nhiệm Bộ môn

Cơ quan công tác hiện nay: Bộ môn Thông tin, Khoa Vô tuyến điện tử, Học viện Kỹ thuật Quân sự

Địa chỉ cơ quan: Số 236, Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 069515392

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 06 tháng 8 năm 2008, số văn bằng: A0184710, ngành: Điện, điện tử, chuyên ngành: Thông tin

Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Học viện Kỹ thuật Quân sự, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS [4] ngày 06 tháng 6 năm 2012, số văn bằng: A026545, ngành: Kỹ thuật điện tử, chuyên ngành: Kỹ thuật điện tử

Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Học viện Kỹ thuật Quân sự, Việt Nam

- Được cấp bằng TS [5] ngày 10 tháng 8 năm 2016, số văn bằng: 006644, ngành: Kỹ thuật điện tử, chuyên ngành: Kỹ thuật điện tử

Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Học viện Kỹ thuật Quân sự, Việt Nam

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Học viện Kỹ thuật Quân sự

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Điện-Điện tử-Tự động hóa

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

1. Xử lý tín hiệu không gian–thời gian cho hệ thống đa ăng-ten

Hướng nghiên cứu chính mà ứng viên đã kiên trì theo đuổi là xử lý tín hiệu không gian–thời gian cho các hệ thống vô tuyến đa ăng-ten, với mục tiêu xuyên suốt là khai thác hiệu quả đặc tính kênh truyền nhằm nâng cao hiệu suất phổ và cải thiện hiệu năng lỗi của hệ thống. Trọng tâm nghiên cứu là phát triển kỹ thuật Điều chế không gian (SM: Spatial Modulation) và các biến thể, nhằm tăng tốc độ dữ liệu đồng thời đơn giản hóa phần cứng thu phát. Bên cạnh đó, hướng đi này cũng giải quyết bài toán lựa chọn ăng-ten phát (TAS: Transmit Antenna Selection), hướng tới cải thiện hiệu suất và đảm bảo kết nối mạnh mẽ, ổn định trong môi trường pha-đỉnh đa đường phức tạp của truyền thông vô tuyến.

2. Nghiên cứu và tối ưu hóa các mô hình truyền thông tiên tiến hướng tới mạng 6G

Hướng tới mạng 6G, nghiên cứu này tập trung vào các kiến trúc hệ thống tiên tiến, từ việc tối ưu hóa truy nhập đa người dùng với Đa truy nhập phi trực giao (NOMA: Non-Orthogonal Multiple Access) và tạo búp sóng (beamforming), đến việc tái định hình môi trường truyền dẫn bằng kiến trúc không phân chia tế bào (Cell-free), trạm phát sóng trên không (ABS: Aerial Base Station) và bề mặt thông minh tái cấu hình (RIS: Reconfigurable Intelligent Surface). Để quản lý sự phức tạp và khai thác tối đa tiềm năng của các mô hình này, các thuật toán dựa trên học sâu (Deep Learning) và tối ưu hóa công suất được ứng dụng như những công cụ then chốt. Toàn bộ hướng nghiên cứu nhằm phát triển các giải pháp hệ thống thông minh, toàn diện và hiệu quả.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 4 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận án ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 3 cấp Cơ sở;
- Đã công bố (số lượng) 35 bài báo khoa học, trong đó 15 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 1, trong đó 1 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
1	Chiến sĩ thi đua	Học viện Kỹ thuật Quân sự	2017,2019,2020
2	Giáo viên dạy tốt	Học viện Kỹ thuật Quân sự	2017,2020
3	Giáo viên dạy giỏi	Học viện Kỹ thuật Quân sự	2018,2019
4	Huy chương chiến sĩ vẻ vang Hạng nhì, ba	Nước CHXHCN Việt Nam	2015
5	Giải thưởng Best Student Paper Award	Hội nghị quốc tế The 15th International Conference on Advanced Technologies for Communications	2022
6	Giải thưởng Women in Technology & Innovation Award	Do chính phủ Úc và Việt Nam tài trợ thông qua Australia-Vietnam Strategic Technologies Centre	2025
7	Bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong Phong trào thi đua Quyết thắng giai đoạn 2014-2019	Học viện Kỹ thuật Quân sự	2019
8	Bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong Phong trào thi đua Quyết thắng giai đoạn 2019-2024	Học viện Kỹ thuật Quân sự	2024
9	Bằng khen vì đã đạt giải Nhất trong Cuộc thi "Quản lý, khai thác Cơ sở kỹ thuật tốt" Năm 2019	Học viện Kỹ thuật Quân sự	2019
10	Bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong thực hiện Cuộc vận động "Quản lý, khai thác vũ khí trang bị kỹ thuật tốt, bền, an toàn, tiết kiệm và An toàn giao thông" giai đoạn 2015-2020	Bộ Quốc phòng	2020

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Là một giảng viên quân đội công tác tại Học viện Kỹ thuật Quân sự từ năm 2008, tôi luôn ý thức sâu sắc về vai trò, trách nhiệm và phẩm chất cần có của một nhà giáo – không chỉ trong chuyên môn mà còn trong ứng xử, đạo đức nghề nghiệp và sự tận tụy với người học.

Về phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp: Tôi có lập trường tư tưởng vững vàng, lý lịch tốt, được vinh dự trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm thứ ba đại học (2004). Trong công tác và cuộc sống, tôi luôn nỗ lực rèn luyện, giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống giản dị, trong sáng; thực hiện nghiêm túc các quy định của Đảng, Nhà nước, Quân đội và Học viện. Với tinh thần trách nhiệm cao và thái độ cầu thị, tôi luôn cố gắng hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao, coi trọng uy tín cá nhân, giữ gìn hình ảnh người giảng viên quân đội mẫu mực, góp phần xây dựng tập thể đoàn kết, vững mạnh.

Về năng lực chuyên môn: Tôi được đào tạo bài bản, chính quy từ bậc đại học đến tiến sĩ tại Học viện Kỹ thuật Quân sự, luôn duy trì thái độ học tập nghiêm túc, chủ động cập nhật kiến thức mới và không ngừng hoàn thiện bản thân để đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục ở các bậc đào tạo khác nhau. Trong giảng dạy, tôi chú trọng tính khoa học, hiện đại và thực tiễn của bài giảng, kết hợp linh hoạt các phương pháp sư phạm nhằm khơi gợi hứng thú và phát huy năng lực tự học của người học. Bên cạnh giảng dạy lý thuyết, tôi đặc biệt quan tâm tới việc tổ chức, phát triển và khai thác hiệu quả hệ thống phòng thí nghiệm, nhằm tạo điều kiện thực hành, nghiên cứu cho người học, đồng thời nâng cao chất lượng đào tạo gắn với thực tiễn kỹ thuật.

Tôi coi trọng sự công bằng, tôn trọng và đồng hành cùng người học trong suốt quá trình đào tạo; luôn giữ thái độ thân thiện, lắng nghe và hỗ trợ người học không chỉ trong học tập mà còn trong định hướng phát triển bản thân. Đồng thời, tôi tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, hướng dẫn học viên, sinh viên và nghiên cứu sinh; chủ động tham gia xây dựng chương trình đào tạo, phát triển môi trường học tập gắn với thực hành nghiên cứu, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo tại Học viện.

Trong quá trình công tác, tôi đã nhận được sự ghi nhận từ đồng nghiệp và người học thông qua nhiều lần được tin nhiệm trong các hoạt động chuyên môn, tập thể và phong trào thi đua. Đến nay, tôi đã vinh dự được đồng nghiệp và đơn vị tin nhiệm bầu chọn hai lần khen thưởng các giai đoạn 2014-2019 và 2019-2024, ba lần danh hiệu “Chiến sĩ thi đua”, bốn lần danh hiệu “Giáo viên dạy giỏi, dạy tốt” của Học viện Kỹ thuật Quân sự.

Tôi cũng nhiều lần được khen thưởng trong công tác xây dựng, quản lý và khai thác phòng thí nghiệm, trong đó có một giải Nhất cuộc thi xây dựng dự án Phòng thí nghiệm, và một Bằng khen cấp Bộ Quốc phòng trong phong trào thi đua về quản lý, khai thác hiệu quả cơ sở vật chất và trang thiết bị kỹ thuật tại đơn vị. Những ghi nhận ấy là nguồn động lực để tôi tiếp tục giữ vững tinh thần trách nhiệm, sự tận

tâm với nghề, và không ngừng nỗ lực để hoàn thành tốt vai trò của một nhà giáo trong môi trường giáo dục quân đội.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 12 năm 6 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2019-2020				3	300	60	360/436/216
2	2020-2021	1		1	4	375		375/466/216
3	2021-2022				2	420		420/443/216
03 năm học cuối								
4	2022-2023				2	375	60	435/515/216
5	2023-2024			1	3	120	75	195/352,5/196
6	2024-2025		1	2		90	90	180/365/196

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài :

- Học ĐH ; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; Tại nước: năm

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước :

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài :

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải: Sử dụng thành thạo tiếng Anh phục vụ nghiên cứu khoa học, tham dự hội nghị quốc tế, viết và công bố bài báo quốc tế.

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ TOEIC 655 điểm (2021).

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Khiếu Hồng Phong		X	X		09/2020 đến 06/2021	Học viện Kỹ thuật Quân sự	09/7/2021
2	Bê Thị Bích Hoài		X	X		10/2023 đến 06/2024	Học viện Kỹ thuật Quân sự	16/7/2024
3	Nguyễn Thị Khánh Linh		X	X		10/2024 đến 06/2025	Học viện Kỹ thuật Quân sự	Đã bảo vệ 07/6/2025, đang chờ cấp bằng.
4	Lê Thị Bình		X	X		10/2024 đến 06/2025	Học viện Kỹ thuật Quân sự	Đã bảo vệ 07/6/2025, đang chờ cấp bằng.

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ...)	Xác nhận của cơ sở GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
----	----------	----------------------------	------------------------------	------------	----------	-------------------------------	--

						đến trang)	
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ							
1	Giáo trình Mạng thông tin quang	GT	Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, năm 2023	3	VC	(Chương 3, 4, 5. Trang 29-138)	Số 1811 QĐ/HV

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0 ()

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Nghiên cứu kỹ thuật xử lý tín hiệu trong truyền thông qua mạng lưới điện thông minh	CN	12.0.A.27, cấp Cơ sở	30/10/2012 đến 30/10/2013	12/3/2014, Khá.
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
2	Nghiên cứu kỹ thuật điều chế không gian dựa trên cơ sở Deep Learning	CN	20.1.051, cấp Cơ sở	30/11/2020 đến 30/11/2021	12/01/2023, Khá
3	Nghiên cứu hệ thống thông tin sử dụng trạm thu phát sóng trên không.	CN	2024.ĐH.05, cấp Cơ sở	29/6/2024 đến 29/6/2025	12/6/2025, Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	An effective frequency domain equalization scheme for cyclic prefix assisted cyclic code shift keying systems	3	Không	2012 International Conference on Advanced Technologies for Communications (ATC 2012). Electronic ISSN: 2162-1039; Print ISSN: 2162-1020	- Scopus	3	41-45	10/2012
2	Combined generalized space shift keying and amplitude/phase modulation for high-rate data transmission.	3	Có	2013 International Conference on Advanced Technologies for Communications (ATC 2013). Print ISSN: 2162-1020 Electronic ISSN: 2162-1039	- Scopus		431-436	10/2013
3	Spatial modulation for high-rate transmission systems.	5	Có	2014 IEEE 79th Vehicular Technology Conference (VTC Spring). Electronic ISBN:978-1-4799-4482-8 Print ISSN: 1550-2252	- Scopus	13	1-5	05/2014
4	Multiple-Symbol Differential Detection for	3	Có	REV Journal on Electronics and Communications. ISSN: 1859-378X			vol. 5, no. 1-2, 22-28	01/2015

	Spatial Modulation							
5	Điều chế không gian vi sai cho các hệ thống truyền dẫn tốc độ cao.	3	Có	Tạp chí Khoa học và Kỹ thuật, Học viện Kỹ thuật Quân sự. ISSN: 1859-0209			Số 170, 37-46	08/2015
6	Kết hợp san bằng trên miền tần số và triệt nhiễu xung phi tuyến trong hệ thống truyền thông qua đường điện	2	Có	Tạp chí Nghiên cứu Khoa học và Công nghệ Quân sự. ISSN: 1859-1043			Số 27, 63-70	10/2013
7	Combined frequency domain equalization and non-linear impulsive noise cancelation for powerline communication.	2	Có	The 2012 International Green Technology Conference.	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		1-3	04/2012

Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ

8	Differential spatial modulation for high-rate transmission systems	4	Có	EURASIP Journal on Wireless Communications and Networking. E-ISSN: 1687-1499, Print ISSN: 1687-1472	Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE <i>IF: 2.3, Q2</i>	6	no. 6/2018, 1-12	01/2018
9	Opposite Partial Response Filter for Shingled Magnetic	3	Không	IEEE Magnetics Letters. Print ISSN: 1949-307X,	Tạp chí quốc tế uy tín <i>IF: 1,1 Q3</i>		vol. 11, 1-4	06/2020

	Recording Systems			Electronic ISSN: 1949-3088				
10	On efficient design of protograph LDPC codes	4	Không	Journal of Science and Technology: Issue on Information and Communications Technology. ISSN: 1859-1531			vol. 19, no. 6.2, 1-6	01/2021
11	Approximation of capacity for downlink multi-user system with combination of precoding and NOMA methods	5	Không	Applied Sciences. Print ISSN: 2076-3417, E-ISSN: 2076-3417	Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE <i>IF: 2.5, Q2</i>	6	vol. 11, no. 22, 10578	11/2021
12	Proposal of Inter - User Interference Cancellation Method for MIMO Systems with Two Nearby Users	2	Có	The International Conference on Green and Human Information Technology 2022 (ICGHIT 2022).	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		196-201	01/2022
13	Combining precoding and equalization for interference cancellation in MU-MIMO systems with high density users	3	Có	EURASIP Journal on Wireless Communications and Networking. E-ISSN: 1687-1499, Print ISSN: 1687-1472	Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE <i>IF: 2.3, Q2</i>	9	vol. 34 (2022), 19 pages	04/2022

14	Analysis of secrecy outage performance for full duplex NOMA relay systems with appearance of multiple eavesdroppers	4	Không	Wireless Networks. Print: 1022-0038, Online: 1572-8196	Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE <i>IF: 2.1, Q1</i>	11	vol. 28, no. 7, 3157-3172	06/2022
15	Optimizing power for data transmissions in uplink cell-free multi-ABSs communication systems	5	Không	2022 International Conference on Advanced Technologies for Communications (ATC). Electronic ISSN: 2162-1039, Print on Demand(PoD) ISSN: 2162-1020	- Scopus	3	23-28	10/2022
16	Combined variable active antenna spatial modulation and NOMA to enhance spectral efficiency for multiple users MIMO systems	3	Có	2022 International Conference on Advanced Technologies for Communications (ATC). Electronic ISSN: 2162-1039, Print on Demand(PoD) ISSN: 2162-1020	- Scopus	4	29-34	10/2022
17	On performance of RIS-aided ground-to-air and air-to-ground communications	4	Không	Computer Networks. Print: 1389-1286 Online: 1872-7069	Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE <i>IF: 4.4, Q1</i>	11	vol. 228 (2023), 109754	04/2023

	in multi-user NOMA systems							
18	Transmit antenna selection for multi-user VASM systems: Simplicity and fairness	4	Có	AEU-International Journal of Electronics and Communications. Print ISSN: 1434-8411, Online ISSN: 1618-0399	Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE <i>IF: 3.0, Q2</i>	3	vol. 170 (2023), 154842	08/2023
19	Investigation of Transmit Antenna Selection for MU-VASM Systems over Correlated Channels	6	Có	International Conference on Ad Hoc Networks (2023). ISSN 1867-8211	- Scopus		112-124	11/2023
20	Proposal of a Hierarchical Combination of CG-TAS and ED-TAS to Improve BER Performance at Low Complexity for VASM Systems	4	Có	2023 12th International Conference on Control, Automation and Information Sciences (ICCAIS). Electronic ISSN: 2475-7896 Print on Demand(PoD) ISSN: 2475-790X.	- Scopus		448-453	11/2023
21	On performance of short-packet ultra-reliable and low-latency communications NOMA MIMO relay networks	3	Có	Physical Communication. ISSN 1874-4907	Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE <i>IF: 2.0, Q2</i>	4	vol. 61 (2023), 102196	12/2023

22	Data Power Optimization Algorithm for Downlink Multi-ARS Small Cell Communication Systems	5	Không	Journal on Information Technologies & Communications. ISSN (E)1859-3534, (V)1859-3526	Tạp chí quốc tế uy tín - Scopus		62-69	03/2024
23	Developing uplink power optimization and ARS selection algorithm for multi-ARS small cell communication system	4	Có	REV Journal on Electronics and Communications. ISSN: 1859-378X	- Hệ thống CSDL quốc tế khác	2	vol. 14, no. 1, 21-27	01/2024
24	Pilot and data power optimization problems in multiple Aerial Relay Stations cell-free communication systems	5	Không	International Journal of Communication Systems. Print ISSN: 1074-5351, Online ISSN (e-ISSN): 1099-1131	Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE <i>IF: 1.7, Q3</i>	5	vol. 37, no. 10, 5767	04/2024
25	Power Optimization and ARSs Selection Strategies in Downlink Cell-Free Multi-ARSs	5	Không	Arabian Journal for Science and Engineering. SSN (print): 2193-567X e-ISSN (online): 2191-4281	Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE <i>IF: 2.6, Q1</i>	3	vol. 50, pages 5647–5664	08/2024

	Communication Systems							
26	Spatial Pilot Reassignment in Channel Training Phase of Multi-ARs Cell-Free System	6	Có	2024 International Conference on Advanced Technologies for Communications (ATC). ISSN: 2162-1020 (print), 2162-1039 (online).	- Scopus		438-443	10/2024
27	Performance enhancement of NOMA multi-user networks with aerial reconfigurable intelligent surfaces and aerial relay	4	Có	Computer Networks. Print: 1389-1286 Online: 1872-7069	Tạp chí quốc tế uy tín <i>IF: 4.6, Q1</i>	2	vol. 254, 110767	12/2024
28	Analysis performance of full duplex two-way systems using assistance of UAV with hardware impairments	3	Có	Wireless Networks. Print: 1022-0038, Online: 1572-8196	Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE <i>IF: 2.1, Q3</i>	2	vol. 31, pages 641–657	06/2024
29	Spatial pilot reassignment algorithm for channel estimation stage of cell-free multi-ARs communication systems	6	Có	Digital Signal Processing. Print ISSN: 1051-2004, Online e-ISSN: 1095-4333.	Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE <i>IF: 2.9, Q2</i>		Vol. 156, Part B, 104830	01/2025

30	Enhanced VASM Performance Through Efficient FNN-Based Transmit Antenna Selection in Rician Fading Channels	3	Có	The International Conference on Green and Human Information Technology 2025	- Hệ thống CSDL quốc tế khác			01/2025
31	Analysis of Full-Duplex Two-Way UAV-Aided Systems	3	Có	International Conference on Green and Human Information Technology 2025	- Hệ thống CSDL quốc tế khác			01/2025
32	A Study on the Application of Deep Learning in Beamforming Design for Multi-User Systems	4	Có	The fifth International Conference on Intelligent Systems & Networks (ICISN 2025). Electronic ISSN (e-ISSN): 2367-3389.	- Scopus IF: Q4			03/2025
33	Autoencoders for Improving Performance of MIMO Systems with Variable Active Antenna Spatial Modulation	4	Có	The fifth International Conference on Intelligent Systems & Networks (ICISN 2025). Electronic ISSN (e-ISSN): 2367-3389.	- Scopus IF: Q4			03/2025
34	Low-Complexity FNN-Based Transmit Antenna	3	Có	Research and Development on Information and Communication	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		vol. 2025, no. 1, 44-53	03/2025

	Selection for Enhanced Performance in VASM Systems over Rician Fading Channels			Technology. ISSN: 1859-3534				
35	Full-duplex relay non-orthogonal multiple access networks with short-packet communication: Block error rate and average achievable rate analysis.	3	Không	Digital Signal Processing. Print ISSN: 1051-2004, Online e-ISSN: 1095-4333.	Tạp chí quốc tế uy tín - SCIE <i>IF: 2.9, Q2</i>		vol. 159, 104968	04/2025

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 7 ([8] [13] [18] [21] [27] [28] [29])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không có							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 0

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TĐTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
1	Chương trình đào tạo kỹ sư chuyên ngành Thông tin	Tham gia	Quyết định số 282/QĐ-HV ngày 17 tháng 01 năm 2025	Học viện Kỹ thuật Quân sự	Quyết định số 3851/QĐ-HV	Tham gia tổ soạn thảo và thẩm định
2	Chương trình đào tạo chất lượng cao chuyên ngành Thông tin	Tham gia	Quyết định số 5069/QĐ-HV ngày 28 tháng 9 năm 2023	Học viện Kỹ thuật Quân sự	Quyết định số 1814/QĐ-HV	Tham gia tổ soạn thảo
3	Chương trình đào tạo thiết kế chế tạo trang thiết bị Thông tin	Tham gia	Quyết định số 4863/QĐ-HV ngày 21 tháng 9 năm 2023	Học viện Kỹ thuật Quân sự	Kế hoạch số 727/KH-ĐT	Tham gia hội đồng xây dựng
4	Chương trình đào tạo thạc sỹ Kỹ thuật viễn thông	Tham gia	Quyết định số 674/QĐ-HV ngày 08 tháng 3 năm 2016	Học viện Kỹ thuật Quân sự	Quyết định số 402/QĐ-HV	Tham gia tổ soạn thảo

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2025

Người đăng ký



Nguyễn Thu Phương